

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/DS-ST
Ngày: 19/3/2024
Về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Quang Đáng
- Ông Phạm Hoàng Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên
tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc “Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-DS ngày 28/02/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thị T, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Thị T: Luật sư ông Phan Thanh T1 - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh K cử thực hiện trợ giúp pháp lý bảo vệ quyền lợi cho bà Thị T (có mặt).

- Bị đơn: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp R, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Thị T do ông Phan Thanh T1 trình bày:

Bà **T** có sử dụng phần đất ruộng khoảng 03 công tầm 3 mét tại **ấp R, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang** do bà ở chung với mẹ từ nhỏ và sử dụng phần đất này từ lúc khoảng 19 tuổi sử dụng cho đến nay. Đất này **do Thị H** (mẹ bà **T**) đứng tên QSD đất, bà chỉ sử dụng đất để nuôi mẹ chứ đất trên vẫn còn của bà **Thị H**. Phần đất ông **V** nuôi tôm khoảng 9 công cấp bên phần đất bà ảnh hưởng đến lúa, cụ thể ông **V** bơm nước mặn vào ruộng tôm của ông làm rỉ nước mặn qua đất lúa của bà **T** dẫn đến lúa sạ được 20 ngày bị vàng lá, có mua thuốc sịt nhưng không hết, tới khi trổ bông thì lúa bị xèo rầy cỏ bông không ngậm sữa được, thu hoạch 03 công đất được 20 bao lúa (1.069kg). Xác định phần đất 03 công chỉ bị thiệt hại 02 công phần đất tiếp giáp ông ông **D** trở qua đất ông **H1**, còn một công đất tiếp giáp với đất ông **N**, ông **K** thì không bị thiệt hại. Thời điểm ông **V** bơm nước vào ruộng tháng 02/2022 có nhiễm mặn qua đất, đến khi sạ lúa tháng 05/2022 là nước ngọt (nước mưa toàn bộ) thì có thấy nhiễm mặn qua lỗ nẽ.

Nay bà **T** yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền là 12.437.000 đồng (trong đó tiền cày là 360.000 đồng, tiền trục 360.000 đồng, tiền phân 2 bao 2.500.000 đồng, tiền lúa giống 825.000 đồng, thuốc vàng lá 400.000 đồng, và năng suất bị giảm là 1.332kg (mỗi kg là 6.000 đồng) với số tiền là 7.992.000 đồng. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

Nguyên đơn bà **Thị T trình bày:**

Bà thống nhất lời trình bày của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà nêu trên. Bà **T** xác định nguyên nhân bị thiệt hại là do ông **V** nuôi cấp bên nước mặn tràn qua đất bà **T**, thời điểm lúa xạ được hơn 10 ngày (khoảng giữa tháng 05/2022) có nước mặn tràn qua lỗ nẽ, bà **T** có cho ông **V** hay, chỉ cho ông **V** biết chỗ tràn nước mước mặn, ông **V** có ra coi, còn việc ông **V** có đắp lại hay không thì tôi không biết, bà không có báo cho chính quyền địa phương biết việc nước mặn ngấm qua đất tại thời điểm đó (tháng 5/2022), không có báo Phòng nông nghiệp kiểm tra độ mặn.

Khi lúa gần trổ bông bị nghẹn nên mới báo cho chính quyền ấp biết, ấp có lập biên theo ý kiến của bà **T** là ông **V** nuôi tôm và bơm nước nuôi tôm tự phát làm ảnh hưởng tới lúa nhiễm mặn gây thiệt hại lúa bị sèo rầy cỏ bông không ngậm sữa được không rõ nguyên nhân, đất 03 công nhưng bị thiệt hại 02 công. Khi lập biên bản sự việc ngày 23/8/2022 cũng không có đo độ mặn trong ruộng, không đo độ mặn trong ruộng ranh xa của ông **V**, không đo độ mặn trong ruộng ông **V**.

Nay yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền là 12.437.000 đồng (trong đó tiền cày là 360.000 đồng, tiền trục 360.000 đồng, tiền phân 2 bao 2.500.000 đồng, tiền lúa giống 825.000 đồng, thuốc vàng lá 400.000 đồng, và năng suất bị giảm là 1.332kg mỗi kg là 6.000 đồng với số tiền là 7.992.000 đồng. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Phạm Văn V trình bày:

Ông xác định việc nuôi tôm không có bơm nước tràn qua đất bà T, cũng không có ngấm nước mặn qua đất bà T, khi nuôi tôm có đào con mương xả mặn chảy ra mương xả và bơm nước từ mương xả chảy ra kênh Cống Hai tỷ. Bà T chưa từng nói có nước trong mương xả của ông ngấm qua lỗ nẽ như bà T trình bày, bà T cho rằng tháng 5/2022 sạ lúa nước trong đất bà T là nước mưa làm sao nước mặn ngấm qua hay tràn qua được.

Phần đất bà T tiếp giáp với ông cập bên đường mương là hoàn toàn bình thường, không bị thiệt hại gì hết. Phần đất bà T giáp với ranh đất ông H1 tính từ ranh đất ông Ngô Văn B (do ông D làm thời điểm đó) chiều ngang khoảng 02 tầm đất (khoảng 6m) chạy lên gần hết chiều dài đất bà T chưa tới đất ông K còn 6 đến 7 tầm khoảng 20m đến đất ông K phần đất này có thấy rầy cỏ bông nhưng xác định khu vực gần đó một số hộ trồng lúa cũng có rầy cỏ bông. Nay không đồng ý bồi thường vì không gây thiệt hại cho bà T.

Tại phiên toà, ông V xác định ông không bồi thường thiệt hại vì ông không có gây thiệt hại cho bà T nhưng được Hội đồng xét xử giải thích, động viên nên ông tự nguyện hỗ trợ cho bà T số tiền 1.500.000 đồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu ông V bồi thường thiệt hại tổng số tiền 12.437.000 đồng vì không có căn cứ chứng minh ông V có gây thiệt hại. Tại phiên toà, ông V tự nguyện hỗ trợ cho bà T số tiền 1.500.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp “Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản”. Cụ thể bà T yêu

cầu ông **V** phải bồi thường thiệt hại với số tiền là 12.437.000 đồng. Đây là vụ án “Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho rằng bị đơn ông **V** nuôi tôm làm ảnh hưởng nhiễm mặn gây thiệt hại làm lúa của bà **T** tổng giá trị bồi thường là 12.437.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.

Tại phiên tòa, nguyên đơn người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn xác định ông **V** nuôi tôm bơm nước mặn vào ruộng làm rĩ nước mặn qua lúa thông qua lỗ nẽ khi lúa xạ được khoảng 10 ngày tuổi (khoảng tháng 5/2022), đến khi lúa gần trổ bông bị ngẹn không ngậm sữa, bị thiệt hại 02 công đất trong tổng số đất 03 công, xác định 03 công đất thi hoạch được số lúa 1.069kg (20 bao), so với các vụ trước thì năng suất lúa bị giảm 1.332kg được tính ra tiền là 7.992.000 đồng. Xét thấy, việc nguyên đơn bà **T** cho rằng bị đơn nuôi tôm làm nhiễm mặn nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh, việc bà **T** cho rằng đất lúa của bà bị nhiễm mặn là do bà tự suy đoán chứ không có tiến hành đo độ mặn trong ruộng, không đo độ mặn trong ruộng xả, trong đất lúa của bà **T** trong khi đó bị đơn không thừa nhận có gây thiệt hại cho lúa bà **T**, việc ông **V** nuôi tôm có con ruộng xả mặn khi có nước trong ruộng xả thì ông **V** bơm ra cống Hai ty nên không gây thiệt hại.

Toà án xác minh làm việc đối với ông **Danh Đ** (Bút lục 63) xác định không rõ nguyên nhân lúa bị thiệt hại, chỉ biết có mua phân thuốc cho bà **T**. Đối với lời khai ông **Lê Văn K1** (Bút lục 57) xác định phần đất nuôi tôm của ông **V** giáp với đất lúa bà **T** có con ruộng ranh 05 tất, sâu 05 tất có tràn nước qua hay không thì không biết, xác định phần đất bà **T** có thu hoạch nhưng bị thất do thời tiết ảnh hưởng, các phần đất khác của bà con gần đó cũng bị thất đều, ông **K1** xác định ông có cày, sỏi, bán lúa giống cho bà **T**. Đối với lời khai ông **Lê Văn C** (bút lục 58) xác định phần đất ông **V** nuôi tôm có con ruộng xả, lúa bà **T** có một góc tiếp giáp đất bà **N1** bị xèo, nguyên nhân không rõ. Lời khai ông **Phạm**

Ngọc D1 (bút lục 55) xác định ông **V** nuôi vuông có mương xả, không có tràn nước qua đất bà **T**, khi có nước chảy ra mương thì ông **V** bơm nước ra cống Hai tỷ.

Xét thấy, khi bà **T** phát hiện có nước mặn ngấm qua lỗ nẽ và khi lúa trổ bông bị xèo thì cũng không có đo kiểm tra độ mặn trong đất nên việc lúa thu hoạch bị giảm năng suất là không có căn cứ chứng minh phía ông **V** có gây thiệt hại. Từ những căn cứ trên xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở pháp lý. Qua thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **T** đối với ông **V**.

Tại phiên toà hôm nay, mặc dù bị đơn không đồng ý bồi thường thiệt hại vì xác định không gây thiệt hại cho đất lúa bà **T** nhưng qua sự động viên của Hội đồng xét xử ông **V** đã tự nguyện hỗ trợ cho bà **T** số tiền 1.500.000 đồng. Nhận thấy, sự tự nguyện hỗ trợ của ông **V** không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội, thể hiện tình làng nghĩa xóm, sự quan tâm chia sẻ thiệt hại với bà **T** nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] *Án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà **Thị T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 12.457.000 đồng x 5% = 622.850 đồng (làm tròn 623.000 đồng), nhưng bà **T** có hộ cận nghèo (có giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo số 126/GCN-HN.HCN ngày 04/01/2022) thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[5] *Về chi phí tố tụng*: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.481.000 đồng, bà **T** phải chịu, đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 157, Điều 266 Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; áp dụng Điều 584 của Bộ luật dân sự 2015; áp dụng Điều 6; Điều 12 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của nguyên đơn bà **Thị T** đối với bị đơn ông **Phạm Văn V** về số tiền 12.457.000 đồng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông **V** hỗ trợ cho bà **T** số tiền là 1.500.000 đồng. Thời gian thực hiện việc hỗ trợ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí sơ thẩm: Bà **Thị T** thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.481.000 đồng, bà **T** phải chịu, đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh Kiên Giang;

TÒA

- VKSND huyện Vĩnh Thuận;

- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;

- UBND xã Vĩnh Phong;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Thị Phượng